

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐẮK LẮK
PHÒNG QLĐT & NCKH

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 6 năm 2025

ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần E.III: Kiến thức bổ trợ

Lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung K33A, khóa học 2024 - 2026

Số học viên: 77 học viên

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ
1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	14/02/1984	8,00	Tám
2	Phan Thị Lệ Anh	03/02/1977	8,00	Tám
3	Vi Văn Chử	19/02/1987	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Nguyễn Bá Công	04/02/1988	8,00	Tám
5	Trần Sỹ Cung	02/02/1978	8,00	Tám
6	Cao Thị Tiên Dâng	18/6/1987	8,25	Tám phẩy hai năm
7	Nguyễn Anh Đăng	10/12/1986	8,00	Tám
8	Huỳnh Tấn Danh	29/02/1988	7,75	Bảy phẩy bảy năm
9	Vũ Thị Đào	11/8/1991	8,50	Tám phẩy năm
10	Nguyễn Thị Tiến Đến	20/8/1991	8,00	Tám
11	Nguyễn Ngọc Diệp	26/10/1990	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Đặng Xuân Đông	10/02/1984	8,25	Tám phẩy hai năm
13	Lâm Quang Dũng	03/5/1986	8,25	Tám phẩy hai năm
14	Đỗ Đình Duy	04/12/1982	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Nguyễn Văn Duy	12/12/1989	7,75	Bảy phẩy bảy năm
16	Phạm Thị Minh Duy	16/3/1983	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Phan Thị Mỹ Duyên	24/4/1988	7,75	Bảy phẩy bảy năm

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ
18	Nguyễn Vĩnh	Hàng	10/7/1988	7,50	Bảy phẩy năm
19	Vi Thị	Hằng	21/7/1989	8,50	Tám phẩy năm
20	Trần Thị Mỹ	Hạnh	07/3/1988	8,25	Tám phẩy hai năm
21	Vũ Thị	Hiền	23/02/1979	9,00	Chín
22	Lương Thị Kim	Hiệp	10/11/1990	8,25	Tám phẩy hai năm
23	Hồ Thị	Hồng	29/12/1990	8,25	Tám phẩy hai năm
24	Trần Thị Thành	Huê	12/7/1985	8,25	Tám phẩy hai năm
25	Nguyễn Công	Hùng	20/01/1974	7,75	Bảy phẩy bảy năm
26	Lê Hoàng	Huy	09/12/1982	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Phan Thị	Lài	16/7/1990	9,00	Chín
28	Phạm Hương	Lan	11/02/1974	8,25	Tám phẩy hai năm
29	Nguyễn Thị Kim	Liên	06/12/1990	8,00	Tám
30	Phạm Thị	Luật	05/5/1972	Bảo lưu	
31	Trương Thị Hiền	Lương	03/10/1989	8,00	Tám
32	Nông Thị	Mè	05/10/1990	8,00	Tám
33	Lê Tấn	Minh	21/02/1986	8,75	Tám phẩy bảy năm
34	Phạm Bá	Minh	24/02/1988	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Tạ Diệu	Minh	16/02/1987	8,00	Tám
36	Trương Đức	Minh	14/10/1985	7,75	Bảy phẩy bảy năm
37	Y Phương	Mlô	30/3/1988	7,75	Bảy phẩy bảy năm
38	Dương	Nam	19/6/1985	8,00	Tám
39	Nguyễn Thị	Nét	27/05/1987	8,00	Tám

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ
40	Nguyễn Đình	Ngọc	28/6/1982	8,00	Tám
41	Trịnh Phạm Quốc	Ngọc	18/10/1984	7,50	Bảy phẩy năm
42	Hoàng Hữu	Nguyên	15/5/1988	8,25	Tám phẩy hai năm
43	H Yang	Niê	25/12/1987	7,75	Bảy phẩy bảy năm
44	Y Thép	Niê	10/5/1982	6,75	Sáu phẩy bảy năm
45	Lê Sỹ	Phú	23/02/1981	8,00	Tám
46	Phan Văn	Phúc	20/02/1985	7,75	Bảy phẩy bảy năm
47	Nguyễn Danh	Phương	03/10/1988	7,75	Bảy phẩy bảy năm
48	Lý Thế	Quân	11/11/1977	8,00	Tám
49	Nguyễn Văn	Son	17/4/1982	7,75	Bảy phẩy bảy năm
50	Lê Minh	Son	01/8/1985	8,25	Tám phẩy hai năm
51	Bùi Thị	Thành	05/9/1986	8,50	Tám phẩy năm
52	Đỗ Ngọc	Thành	18/10/1989	Bảo lưu	
53	Nguyễn Văn	Thành	28/10/1981	7,75	Bảy phẩy bảy năm
54	Trương Văn	Thành	11/7/1975	8,00	Tám
55	Đặng Thị Phương	Thảo	02/3/1985	8,00	Tám
56	Đinh Thị Hằng	Thảo	27/5/1991	8,50	Tám phẩy năm
57	Phan Nhật	Thảo	10/12/1991	8,00	Tám
58	Võ Hồng	Thính	04/02/1983	8,00	Tám
59	Trần Hữu	Thịnh	03/12/1987	8,00	Tám
60	Lữ Thị Minh	Thư	15/12/1986	8,00	Tám
61	Ninh Duy	Thường	09/3/1989	8,25	Tám phẩy hai năm

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ
62	Trịnh Thị	Thủy	20/01/1983	8,75	Tám phẩy bảy năm
63	Trần Thanh	Trung	21/7/1983	7,75	Bảy phẩy bảy năm
64	Vương Hữu	Trung	14/8/1981	7,50	Bảy phẩy năm
65	Đỗ Văn	Trương	23/10/1986	8,00	Tám
66	Đinh Xuân	Trường	11/7/1978	8,00	Tám
67	Trương Đắc	Tứ	09/5/1983	8,00	Tám
68	Đỗ Minh	Tuấn	01/02/1988	8,00	Tám
69	Võ Đình Thanh	Tuấn	17/4/1978	7,75	Bảy phẩy bảy năm
70	Võ Thanh	Tuấn	20/6/1982	7,50	Bảy phẩy năm
71	Bùi Thị Mỹ	Tuyền	08/01/1984	8,00	Tám
72	Huỳnh Nữ Phương	Uyên	30/4/1981	8,00	Tám
73	Hồ Thị	Vinh	11/3/1985	8,00	Tám
74	Lê Vũ	Vương	24/4/1980	7,50	Bảy phẩy năm
75	Nguyễn Hữu	Vương	30/11/1983	7,75	Bảy phẩy bảy năm
76	Nguyễn Thị	Yến	07/7/1990	8,00	Tám
77	Nguyễn Thị Thanh	Yến	07/02/1984	8,00	Tám

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM



ThS. Lê Thị Thu

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH



TS. Lê Duyên Hà